

Bản án số: 15/2018/HSST
Ngày 22-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Viết Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Hùng

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh ngày 14/4/1986 tại xã H, TP.T, tỉnh T;

Nơi cư trú: Tổ 21, phường T, thành phố H, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Th1; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 09/01/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

2. Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/01/1975 tại xã H, huyện T, tỉnh P;

Nơi cư trú: Khu 21, xã H, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L; Có vợ Phạm Thị Thu Tr và 02 con; Tiền án: Tại Bản án số 34/2011/HS-ST ngày 30/6/2011, bị Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy xử phạt 66 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị can chấp hành xong hình phạt ngày 25/4/2015; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ 24/12/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

3. Nguyễn Cao C1, sinh ngày 16/6/1986 tại xã H, huyện T, tỉnh P;

Nơi cư trú: Khu 7, xã H, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Q và bà Hà Thị L1; Có vợ Nguyễn Thị Th và 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại xã H, huyện T. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N và Nguyễn Cao C1 khai nhận: Khoảng 09 giờ ngày 20/12/2017, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên C1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn N hỏi xin ma túy Heroin để sử dụng thì N trả lời là N không có ma túy, đồng thời N bảo C1 là nếu có xe máy thì đến lại N lên thành phố H mua ma túy thì C1 đồng ý. Sau đó C1 ở nhà đến 11h cùng ngày thì đi bộ đến nhà anh Trần Quang H - Sinh năm 1992, ở khu 5, xã H, huyện T (là hàng xóm của C1) hỏi mượn của anh H chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 19L1-177.xx rồi đi đến nhà N. Sau khi hẹn C1 xong, N đi bộ đến khu vực nương sắn thuộc xã H thì gặp Nguyễn Văn L2 (còn gọi là “L2 T”) - Sinh năm 1974, ở khu 13, xã H, huyện T. Gặp nhau, L2 hỏi N là “có biết chỗ nào bán ma túy, mua giúp L2 200.000đ tiền ma túy Heroine” thì N trả lời là có biết rồi L2 đưa cho N 200.000đ để nhờ N mua ma túy hộ cho L2. N đồng ý mua hộ ma túy cho L2 và cầm tiền L2 đưa rồi tiếp tục đi bộ đến khu vực cây xăng xã H thì gặp Nguyễn Văn Tr1 (còn gọi là “Tr1 B”) - Sinh năm 1979, ở khu 22, xã H, huyện T. Gặp N, Tr1 hỏi N là có biết chỗ nào bán ma túy Heroin thì mua hộ cho Tr1 400.000đ để Tr1 sử dụng thì N bảo có, rồi Tr1 đưa cho N 400.000đ, N cầm tiền Tr1 đưa rồi đi về nhà đợi C1 đến để cùng đi mua ma túy. Đến khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, khi N đang ở nhà thì C1 điều khiển xe mô tô BKS 19L1-177.89 do C1 mượn được của anh H đến nhà N. Đến nơi, C1 nói với N là C1 không có tiền nên C1 chỉ lại N đi mua ma túy, nếu mua được ma túy thì N phải cho C1 một ít để C1 sử dụng. N đồng ý và đưa số tiền 780.000đ (Trong đó của N có 180.000đ, tiền của L2 đưa cho N để nhờ mua ma túy là 200.000đ, tiền của Tr1 đưa cho N để nhờ mua ma túy là 400.000đ) cho C1 để cả hai cùng nhau đi mua ma túy. C1 cầm tiền N đưa đút vào túi áo C1 đang mặc rồi điều khiển xe mô tô BKS 19L1-177.xx lại N đi lên thành phố H, tỉnh H để mua ma túy. Trên đường đi, C1 và N rẽ vào một hiệu thuốc Tây mua 01 xilanh nhựa và 01 ống Novocain với giá 4.000đ, sau đó đổ xăng hết 50.000đ, ăn bánh mì hết 26.000đ, còn lại 700.000đ để mua ma túy. Lên đến thành phố H, C1 lại N đến nhà một người nam giới tên là C (thường gọi là “C sắt”) - Sinh năm 1986, ở khu vực Cảng N thuộc tổ 21, phường T, thành phố H, tỉnh H để hỏi mua ma túy của C. Sau gặp C, C1 hỏi mua của C 400.000đ tiền ma túy Heroine thì C đồng ý, sau đó C1 lấy 400.00đ trong

túi áo ra đưa cho C, C nhận tiền và đưa lại cho C1 01 gói ma túy Heroine được gói bằng giấy bạc màu trắng. C1 cầm gói ma túy C đưa rồi cùng N đi ra bên ngoài nhà C, chia gói ma túy làm hai phần, đưa cho N 1 phần rồi mỗi người tìm cho mình một chỗ vắng để sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, N nói với C1 là vào nhà C hỏi mua thêm của C “hai phân” ma túy Heroine với giá 800.000đ thì C1 đồng ý. C1 lại N quay lại nhà C rồi hỏi mua của C 800.000đ tiền ma túy Heroine thì C đồng ý và đưa cho C1 01 gói ma túy Heroine được gói bằng giấy bạc màu trắng. C1 cầm gói ma túy C đưa nhưng do chỉ còn lại 300.000đ nên C1 đưa cho C 300.000đ và bảo C cho nợ lại 500.000đ thì C đồng ý. Thấy C đồng ý cho nợ tiền nên N bảo C bán cho N 200.000đ tiền ma túy “đá” (Methamphetamine), N sẽ trả tiền sau thì C đồng ý rồi đưa cho C1 01 gói ma túy “đá” được gói bằng nilon màu trắng có viền kẻ màu đỏ, có khuy bấm bịt kín ở đầu. C1 cầm gói ma túy “đá” C đưa rồi dứt cả 2 gói ma túy vừa mua được vào trong chiếc túi nilon màu trắng có viền kẻ màu đỏ (do C1 nhặt dưới nền nhà C) sau đó đưa cho N cầm rồi điều khiển xe máy lai N đi về huyện T. Khi đi đến đoạn đường thuộc khu 3, xã T, huyện T thì bị lực lượng Công an huyện Thanh Thủy yêu dừng xe để kiểm tra hành chính. Khi C1 dừng xe, do hoảng sợ nên N liền buông gói ma túy do N và C1 mua được của C đang cầm ở tay trái của N xuống đường nhưng đã bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N còn khai nhận, ngoài lần mua ma túy ngày 20/12/2017 thì trước đó, vào khoảng giữa tháng 12/2017 N đã 2 lần mua ma túy của C, mỗi lần 01 gói Heroin với giá 200.000đ. Nguyễn Văn C1 cũng khai nhận vào ngày 16/12/2017 có mua của C 01 gói ma túy Heroin với giá 200.000đ và ngày 18/12/2017 có mua của C 01 gói ma túy Heroin với giá 200.000đ. Số ma túy mua được thì N và C1 đã sử dụng hết.

Nguyễn Văn C khai nhận: Khoảng đầu tháng 12 năm 2017, Nguyễn Văn C - Sinh năm 1986, ở thôn 9, xã H, thành phố T, tỉnh T đến thuê căn nhà tại tổ 21, phường T, thành phố H của chị Hồ Thị H1 - Sinh năm 1977, ở phường H, thành phố H, tỉnh H để ở trọ. Do muốn có tiền tiêu sài nên C đã nảy sinh ý định đi mua ma túy về để bán kiếm lời. C tìm hiểu qua một số người nghiện ma túy ở khu vực đầu cầu thành phố H thì được biết tại khu vực bến Vạn ở đầu cầu thành phố H có một người nam giới ngoài 40 tuổi có bán nhiều loại ma túy khác nhau nên C đi tìm người nam giới này để mua ma túy. C đến bến Vạn ở đầu cầu thành phố H thì gặp người nam giới như mô tả và hỏi mua ma túy của anh ta thì anh đồng ý bán. Sau khi thỏa thuận giá cả, C đã mua của người nam giới này “10 phân” Heroine với giá 3.000.000đ; 07 gói ma túy “đá” (Methamphetamine) với giá 7.000.000đ và 10 viên “hồng phiến” với giá 800.000đ, tổng số tiền C mua ma túy của người nam giới hết 10.800.000đ. Sau khi C trả tiền thì người nam giới đưa ma túy cho C, đồng thời cho C 1 chiếc cân điện tử và 1 ít túi nilon (để đựng ma túy). Sau đó, C đem ma túy mua được cùng cân điện tử và túi nilon đi về nhà trọ ở Tổ 21, phường T. Về đến nhà trọ, C lấy 01 gói ma túy

“đá” chia ra làm 15 phần rồi cho vào 15 gói nilon màu trắng đều có khuy bấm để cất giữ nhằm bán kiếm lời. Vào khoảng giữa tháng 12/2017 (C không nhớ ngày cụ thể), Nguyễn Văn N - Sinh năm 1975, ở khu 21, xã H, huyện T có tìm đến nhà trọ của C hai lần để mua ma túy và C đã bán cho N mỗi lần 01 gói ma túy Heroine với giá 200.000đ. Ngày 16/12/2017, Nguyễn Cao C1 - Sinh năm 1986, ở khu 7, xã H, huyện T đến nhà trọ của C và hỏi mua ma túy và C đã bán cho C1 01 gói ma túy Heroin với giá 200.000đ, ngày 18/12/2017, C bán cho C1 01 gói ma túy Heroin với giá 200.000đ. Đến khoảng 12 giờ ngày 20/12/2017, khi C đang tại ở nhà trọ thì C1 lại N đến nhà C và C1 hỏi mua của C “một phân” ma túy Heroine với giá 400.000đ rồi C1 đưa cho C 400.000đ, C nhận tiền và đưa lại cho C1 01 gói ma túy Heroin. Sau khi mua được ma túy, C1 và N đi khỏi nhà C, khoảng 30 phút sau thì quay lại rồi C1 hỏi mua thêm của C “hai phân” ma túy Heroine với giá 800.000đ thì C đồng ý bán và đưa cho C1 01 gói giấy bạc bên trong có chứa ma túy Heroine. C1 cầm gói ma túy C đưa rồi đưa lại cho C 300.000đ và bảo C cho nợ lại 500.000đ. Sau đó, N cũng hỏi mua của C 200.000đ tiền ma túy “đá” và bảo C cho nợ tiền, N sẽ trả thì C đồng ý rồi đưa cho C1 01 gói nilon màu trắng có khuy bấm bịt kín ở đầu, có 01 viên màu đỏ, bên trong chứa ma túy “đá”. Sau khi mua được ma túy thì C1 và N lại nhau rồi khỏi nhà C. Đến ngày 09/01/2018, khi C đang ở nhà trọ của mình thì lực lượng Công an huyện Thanh Thủy đến thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với C, đồng thời thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của C. Toàn bộ số ma túy C tàng trữ để bán kiếm lời đã bị Cơ quan Công an thu giữ.

Ngày 21/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định số 16 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định số chất bột, cục màu trắng và số chất rắn dạng tinh thể màu trắng đã thu giữ của Nguyễn Văn N và Nguyễn Cao C1. Tại bản Kết luận giám định số 103/KLGD ngày 21/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

*“- Mẫu chất bột, cục màu trắng (bên trong bì giấy đánh số 01) gửi giám định là **ma túy**, có khối lượng (trọng lượng) là **0,230 gam**, loại: **Heroine**.*

*- Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng (bên trong bì giấy đánh số 02) gửi giám định là **ma túy**, có khối lượng (trọng lượng) là **0,171 gam**, loại: **Methamphetamine....**”*

Hoàn trả lại đối tượng giám định gồm 0,204 gam chất bột, cục màu trắng và 0,105 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định.

Căn cứ hành vi phạm tội của các đối tượng, ngày 22/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn N và Nguyễn Cao C1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999

Ngày 10/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định số 19 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định số chất bột, cục màu trắng, số chất rắn dạng tinh thể màu trắng và số viên nén hình tròn màu hồng thu giữ của Nguyễn Văn C. Tại bản Kết luận giám định số 174/KL-PC54 ngày 12/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

“- Mẫu bột, cục màu trắng (chứa trong bì đánh số 01) gửi đến giám định là **ma túy**; có tổng trọng lượng (khối lượng) là: **0,370 gam**, loại **Heroine**.

- Mẫu bột, cục màu trắng (chứa trong bì đánh số 02) gửi đến giám định là **ma túy**; có tổng trọng lượng (khối lượng) là: **0,177 gam**, loại **Heroine**.

- Các viên nén hình tròn, màu hồng, trên một mặt mỗi viên có in chìm chữ ‘WY’ trắng (chứa trong bì đánh số 02) gửi đến giám định là **ma túy**; có tổng trọng lượng (khối lượng) là: **1,080 gam**, loại **Methamphetamine**.

- Mẫu chất rắn tinh thể màu trắng gửi giám định (chứa trong bì đánh số 02) gửi đến giám định là **ma túy**; có tổng trọng lượng (khối lượng) là: **13,220 gam**, loại **Methamphetamine**.”

Hoàn trả lại đối tượng giám định 0,305 gam chất bột, cục màu trắng là mẫu vật còn lại sau khi đã giám định (trong bì đánh số 01); 0,121 gam chất bột, cục màu trắng, 0,895 gam viên nén màu hồng và 12,388 gam chất rắn tinh thể màu trắng, là mẫu vật còn lại sau khi đã giám định (trong bì đánh số 02).

Căn cứ hành vi phạm tội của Nguyễn Văn C, ngày 15/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999

Bản cáo trạng số 16/CT-VKSTT ngày 03/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố Nguyễn Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố Nguyễn Văn N và Nguyễn Cao C1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào: Điểm b, Khoản 2, Điều 194-BLHS 1999; Điểm s, Khoản 1, Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015.

* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào Điểm c, Khoản 1, Điều 249; Điểm s, Khoản 1, Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Nguyễn Cao C1;

- Căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 249, Điểm s, Khoản 1, Điều 51; Điểm h, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

** Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Cao C1, Nguyễn Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

** Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2018.*

** Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 24 tháng tù đến 30 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2017.*

** Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C1 12 tháng tù đến 15 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án*

Miễn hình phạt bổ sung cho 3 bị cáo C, N, C1.

** Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.*

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong số 103/KLGĐ, 02 bì niêm phong 1, 2 số 174/ KL-PC54 của phòng KTHS đây là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 cân điện tử.

- Trả lại cho bị cáo C 01 chiếc ĐTDD Samsung màn hình cảm ứng màu trắng đã cũ;

- Trả lại cho bị cáo N 01 chiếc ĐTDD Nokia màu đen đã cũ.

- Tịch thu số tiền thu lời bất chính 1.500.000đ của bị cáo C để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo C số tiền 2.200.000đ nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2018 tại chi cục THADS huyện Thanh Thủy.

Xác nhận cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho anh Trần Quang H 01 chiếc xe mô tô BKS 19L1- 177.xx là hợp pháp. Theo biên bản trả lại tài sản ngày 01/02/2018.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

1. Về áp dụng pháp luật: Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật hình sự 2015 chưa có hiệu lực thi hành. Tại thời điểm xét xử thì Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành. Tình tiết định khung và mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999 nhẹ hơn khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, do vậy HĐXX sẽ áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 để

xét xử đối với bị cáo C. Tại Khoản 1 của điều 194 BLHS 1999 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" có mức hình phạt nặng hơn khoản 1 điều 249 BLHS 2015, do đó HĐXX sẽ áp dụng BLHS 2015 xét xử đối với bị cáo N và C1.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên toà hôm nay đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20/12/2017, Nguyễn Văn C - Sinh năm 1986, ở thôn 9, xã H, thành phố T, tỉnh T đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy Heroine với giá 400.000đ cho Nguyễn Văn N - Sinh năm 1975, ở khu 21 và Nguyễn Cao C1 - Sinh năm 1986, ở khu 7, cùng thuộc xã H, huyện T. Sau khi sử dụng hết gói ma túy trên thì N và C1 tiếp tục hỏi ma túy của C nên C đã bán cho N và C1 01 gói ma túy có trọng lượng là 0,230 gam, loại Heroine với giá 800.000đ và 01 gói ma túy có trọng lượng 0,171 gam, loại Methamphetamine với giá 200.000đ tại nhà trọ C thuê ở tổ 21, phường T, thành phố H, tỉnh H. Trước đó, C đã 02 lần bán trái phép chất ma túy cho N và 02 lần bán trái phép chất ma túy cho C1 mỗi lần 1 gói ma túy Heroin với giá 200.000đ. Ngoài ra, Nguyễn Văn C còn có hành vi tàng trữ 03 gói ma túy có tổng trọng lượng 0,547 gam, loại Heroine; 20 gói ma túy và 10 viên "hồng phiến" có tổng trọng lượng là 14,30 gam, loại Methamphetamine với mục đích để bán kiếm lời. Hành vi của Nguyễn Văn C là hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, bị xử lý theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Nguyễn Văn N và Nguyễn Cao C1 đã có hành vi cùng nhau đi mua ma túy rồi tàng trữ để cùng sử dụng. Số ma túy mà N và C1 tàng trữ là 01 gói có trọng lượng 0,230 gam, loại Heroine và 01 gói có trọng lượng 0,171 gam, loại Methamphetamine. Hành vi của Nguyễn Văn N và Nguyễn Cao C1 đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng của VKSND huyện Thanh Thủy truy tố bị cáo C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, khoản 2 Điều 194 BLHS 1999; truy tố bị cáo N và C1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c Khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Bởi lẽ ma túy là hiểm họa của xã hội, Nhà nước đã có nhiều biện pháp nhằm loại trừ

nhưng tình hình mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ma túy vẫn diễn ra phức tạp. Việc mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy gây ra hậu quả rất lớn, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, là nguồn gốc nảy sinh ra các loại tội phạm khác, ảnh hưởng đến việc duy trì trật tự trị an trên địa bàn, gây nên sự bất bình lo lắng trong quần chúng nhân dân. Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Đối với bị cáo C và C1 trước lần phạm tội này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự các bị cáo có nhân thân tốt. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; do đó cần áp dụng tình tiết được quy định tại Điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đối với bị cáo N trước lần phạm tội này bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy xử phạt 66 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 25/4/2015. Do vậy bị cáo chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật, lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 52 BLHS 2015. Bị cáo N cũng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51-BLHS 2015 là "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"

Do tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên cần thiết áp dụng hình phạt tù giam tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo để có đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành C dân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Khoản 5, Điều 194 BLHS 1999 thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm C việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng HĐXX xét thấy trước khi phạm tội các bị cáo làm C việc lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bì niêm phong số 103/KLGD, 02 bì niêm phong số được đánh số 01, 02 số 174/KL-PC54 của phòng KTHS đây là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 cân điện tử; không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 chiếc ĐTDD của các bị cáo đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo cần trả lại.

Đối với số tiền 3.700.000đ thu của bị cáo C có 700.000đ bị cáo C bán ma túy cho N và C1 ngày 20/12/2017 và 800.000đ ngày 16/12, 18/12 năm 2017, tổng cộng 1.500.000đ đây là tiền thu lời bất chính cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền còn lại 2.200.000đ là tiền của bị cáo C không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại, tuy nhiên giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Xác nhận CQCSĐT Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho anh Trần Quang H 01 chiếc xe mô tô BKS 19L1- 177.xx là hợp pháp.

[6] Về nguồn gốc số ma túy C có được để bán cho C1 và N cùng số ma túy Cơ quan C an thu giữ được khi thi hành bắt giữ và khám xét nơi ở của C, C khai là do C mua của một người nam giới C không biết tên tuổi, địa chỉ tại khu vực bến Vạn ở đầu cầu thành phố H, tỉnh H. Ngoài lời khai của C thì không có chứng cứ nào khác để chứng minh, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy không có căn cứ để xác minh, làm rõ và đề cập xử lý đối với người nam giới đã bán ma túy cho C trong vụ án này là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn L2 - Sinh năm 1974, ở khu 13, xã H, huyện T, theo lời khai của N, là người đã gửi N số tiền 200.000đ để nhờ N đi mua ma túy. Căn cứ lời khai của N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã tiến hành xác minh, triệu tập anh L2. Tuy nhiên, do anh L2 không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền không biết anh L2 đi đâu, làm gì, ngoài lời khai của N không có chứng cứ nào khác chứng minh, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy không có căn cứ đề cập xử lý anh L2 trong vụ án này là đúng quy định.

Đối với anh Nguyễn Văn Tr1 - Sinh năm 1979, ở khu 22, xã H, huyện T, theo lời khai của N, là người đã gửi N 400.000đ để nhờ N đi mua ma túy. Tuy nhiên, anh Tr1 không thừa nhận việc gửi tiền nhờ N mua ma túy. Ngoài lời khai của N thì không có chứng cứ nào khác chứng minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý đối với anh Tr1 trong vụ án này là đúng quy định.

Đối với chị Hồ Thị H1 - Sinh năm 1977, ở tổ 23, phường H, thành phố H, tỉnh H, là chủ căn nhà nơi C thuê để ở trọ. Quá trình điều tra xác định, chị H1 không biết C dùng nhà của mình làm nơi giao dịch, mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý đối với chị H1 trong vụ án này là đúng quy định.

Đối với anh Trần Quang H - Sinh năm 1992, ở khu 5, xã H, huyện T, là người đã cho C1 mượn chiếc 01 xe mô tô BKS 19L1-177.xx, là chiếc xe C1 dùng lái N đi mua ma túy. Tuy nhiên, anh H không biết việc C1 mượn xe để đi mua ma túy, và khi mượn xe C1 không nói cho anh H biết C1 mượn xe để đi đâu, làm gì. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý anh Huy trong vụ án này là đúng quy định.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điểm b, Khoản 2, Điều 194-BLHS 1999; Điểm s, khoản 1, Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015.

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 249; Điểm s, Khoản 1, Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Nguyễn Cao C1.

- Căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 249; Điểm s, Khoản 1, Điều 51; Điểm h, Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

* **Tuyên bố** bị cáo Nguyễn Cao C1 và Nguyễn Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

*** Xử phạt:**

- Bị cáo Nguyễn Văn C **07** (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2018.

- Bị cáo Nguyễn Văn N **27** (hai mươi bảy) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2017.

- Bị cáo Nguyễn Cao C1 **12** (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án

Miễn hình phạt bổ sung cho 3 bị cáo C, N, C1.

* **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì niêm phong số 103/KLGD của phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ: Hoàn trả lại đối tượng giám định gồm 0,204 gam chất bột, cục màu trắng và 0,105 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định .

+ 02 bì niêm phong được đánh số 01, 02 số 174/ KL-PC54 của phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ: Hoàn trả lại đối tượng giám định 0,305 gam chất bột, cục màu trắng là mẫu vật còn lại sau khi đã giám định (trong bì đánh số 01); 0,121 gam chất bột, cục màu trắng, 0,895 gam viên nén màu hồng và 12,388 gam chất rắn tinh thể màu trắng, là mẫu vật còn lại sau khi đã giám định (trong bì đánh số 02).

+ 01 chiếc cân điện tử đã cũ.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 chiếc ĐTDĐ Samsung màn hình cảm ứng, màu trắng đã cũ.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N 01 chiếc ĐTDĐ Nokia màu đen đã cũ.
- Tịch thu số tiền thu lời bất chính 1.500.000đ(Một triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn C để sung quỹ Nhà nước.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C số tiền 2.200.000đ(Hai triệu hai trăm nghìn đồng) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng trên đang được bảo quản, lưu giữ tại chi cục THADS huyện Thanh Thủy, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2018.

- Xác nhận cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho anh Trần Quang H 01 chiếc xe mô tô BKS 19L1- 177.xx là hợp pháp. Theo biên bản trả lại tài sản ngày 01/02/2018.

*** Về án phí:** Căn cứ Khoản 2, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo C, N, C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Huyện, Tỉnh;
- CQ THA.HS, C an huyện TT;
- UBND xã nơi cư trú của bị cáo (TB);
- Chi cục THADS huyện TT;
- Sở Tư pháp Phú Thọ;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú